

Số: 32/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2026/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Tân Chín D** - sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Bản N, xã H, tỉnh Lai Châu.**

Bị đơn: Chị **Tân U M** - sinh năm 2001.

Địa chỉ: **Bản N, xã H, tỉnh Lai Châu.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Tân Chín D**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Bản N, xã H, tỉnh Lai Châu.**

Bị đơn: Chị **Tân U M**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: **Bản N, xã H, tỉnh Lai Châu.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Tân Chấn D** và chị **Tân U M** thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh **Tân Chấn D** và chị **T** **Ủ** **Mây** thống nhất anh **T** **Chấn** **Điều** là người trực tiếp được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Tân Hồng T1** - sinh ngày 20/12/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung anh **Tân Chấn D** và chị **T** **Ủ** **Mây** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Anh **Tân Chấn D** và chị **T** **U** **Mây** thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh **Tân Chấn D** và chị **T** **U** **Mây** thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh **Tân Chấn D** và chị **Tân Ủ** **Mây** phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, anh **D** và chị **M** thỏa thuận, thống nhất anh **D** chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 50% tương ứng với số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ trong tổng số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) dự phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000192 ngày 15/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Lai Châu.

Hoàn trả lại cho anh **Tân C** **Điều** số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 0000192 ngày 15/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV 4 - Lai Châu;
- UBND xã Hua Bum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình